

**CÁC BỘ****LIÊN BỘ****TÀI CHÍNH - THỦY SẢN**

**THÔNG TƯ liên tịch số 7/1998/TTLT-BTC-BTS ngày 10-1-1998 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 358-TTg ngày 29-5-1997 của Thủ tướng Chính phủ ưu đãi thuế đối với hoạt động khai thác hải sản ở vùng biển xa bờ.**

Căn cứ các Luật thuế, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước hiện hành và Quyết định số 358-TTg ngày 29-5-1997 của Thủ tướng Chính phủ về ưu đãi thuế đối với hoạt động khai thác hải sản ở vùng biển xa bờ, Bộ Tài chính và Bộ Thủy sản hướng dẫn thủ tục, trình tự, thẩm quyền xét miễn, giảm thuế đối với các đối tượng hoạt động khai thác hải sản ở vùng biển xa bờ được ưu đãi thuế như sau:

**I. PHẠM VI ÁP DỤNG****1. Đối tượng áp dụng:**

Tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế, bao gồm cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, có tàu thuyền thực tế hoạt động khai thác hải sản ở vùng biển xa bờ, không phân biệt là cơ sở mới thành lập hay đã được thành lập từ trước, tàu thuyền đầu tư mới, đầu tư mở rộng hay đã đầu tư mua sắm trước đây, được ưu đãi về thuế theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 358-TTg ngày 29-5-1997 của Thủ tướng Chính phủ, nếu có đủ các điều kiện sau đây:

- Có giấy phép hành nghề khai thác hải sản ở vùng biển xa bờ hoặc giấy chứng nhận thực tế có

khai thác hải sản ở vùng biển xa bờ; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Có tàu, thuyền khai thác hải sản lắp máy chính có công suất từ 90 mã lực (CV) trở lên.

- Thực tế hoạt động khai thác hải sản ở vùng biển xa bờ.

**2. Những trường hợp sau đây không thuộc đối tượng được ưu đãi thuế theo hướng dẫn tại Thông tư này:**

- Khai thác hải sản tại các vùng biển khác, ngoài phạm vi vùng biển xa bờ.

Trường hợp, cơ sở khai thác hải sản vừa có tàu thuyền hoạt động khai thác hải sản ở vùng biển xa bờ, vừa có tàu thuyền hoạt động khai thác hải sản tại vùng biển khác thì phải hạch toán riêng kết quả kinh doanh ở từng nơi.

- Hoạt động kinh doanh dịch vụ khác (xây dựng, vận tải,...) ngoài hoạt động khai thác hải sản.

**3. Một số từ ngữ nêu tại Thông tư này được hiểu như sau:**

- Khai thác hải sản là hoạt động đánh bắt các sản phẩm biển như cá, tôm, cua, đồi mồi, ngọc trai và các sản phẩm biển khác.

- Vùng biển xa bờ theo quy định tại Điều 2 Quy chế Quản lý và sử dụng vốn tin dụng cho các dự án đóng mới, cải hoán tàu đánh bắt và dịch vụ đánh bắt hải sản xa bờ ban hành kèm theo Quyết định số 393-TTg ngày 9-6-1997 của Thủ tướng Chính phủ là: "vùng biển được giới hạn bởi đường đẳng sâu 30 mét từ bờ biển trở ra đối với vùng biển vịnh Bắc Bộ, đông và tây Nam Bộ, vịnh Thái Lan, và đường đẳng sâu 50 mét từ bờ biển trở ra đối với vùng biển Miền Trung".

Đường đẳng sâu là đường nối các tọa độ có cùng một độ sâu tính từ mặt nước xuống đáy biển.

Như vậy, vùng biển xa bờ là các vùng biển có độ sâu từ 30 mét trở ra đối với vùng biển vịnh Bắc Bộ, đông và tây Nam Bộ, vịnh Thái Lan; có độ sâu từ 50 mét trở ra đối với vùng biển Miền Trung. Trường hợp các đảo thuộc địa phận vùng biển xa bờ cũng được coi là xa bờ.

096656192

#### 4. Đối tượng nêu tại điểm 1 mục này được ưu đãi về thuế như sau:

a) Được giảm 50% thuế tài nguyên, thuế doanh thu trong 3 năm đầu kể từ ngày được cấp giấy phép khai thác hải sản ở vùng biển xa bờ; miễn nộp thuế lợi tức trong 3 năm đầu kể từ khi có lợi tức chịu thuế.

b) Chủ tàu, thuyền đánh cá đăng ký quyền sở hữu các tàu, thuyền khai thác hải sản ở vùng biển xa bờ nộp lệ phí trước bạ 1% (một phần trăm) trên giá trị tàu, thuyền lúc trước bạ.

Trường hợp chủ tàu, thuyền không được cấp giấy phép khai thác hải sản xa bờ và tàu, thuyền đánh cá lắp máy chính có công suất nhỏ hơn 90 CV thì phải nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại Nghị định số 193-CP ngày 29-12-1994 của Chính phủ.

c) Các đối tượng khai thác hải sản xa bờ đồng thời là đối tượng thuộc diện áp dụng Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (quy định tại Điều 4 Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, Điều 1 Nghị định số 29-CP ngày 12-5-1995 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước và hướng dẫn tại mục I của Thông tư số 94-TC/TCT ngày 22-12-1995 của Bộ Tài chính), thì đồng thời cũng được hưởng ưu đãi thuế quy định tại các Điều 16, 17, 18, 19, 20, 21 Nghị định số 29-CP ngày 12-5-1995 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước. Tuy nhiên, mỗi loại thuế chỉ được hưởng ưu đãi theo tỷ lệ (%) miễn, giảm và thời gian miễn, giảm quy định cao nhất; không được cộng tỷ lệ miễn, giảm hoặc thời gian miễn, giảm quy định ở văn bản này với văn bản khác để áp dụng cho một đối tượng được ưu đãi.

d) Các loại thuế và thu khác ngoài các loại thuế và lệ phí trước bạ nêu trên đây, phải thực hiện theo pháp luật hiện hành.

## II. THỦ TỤC, THẨM QUYỀN XÉT MIỄN, GIẢM THUẾ

### 1. Thủ tục xét giảm thuế tài nguyên, thuế doanh thu, miễn thuế lợi tức:

a) Cơ sở khai thác thuộc diện được giảm thuế tài nguyên, thuế doanh thu và miễn thuế lợi tức phải gửi hồ sơ cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý. Hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị miễn, giảm thuế của cơ sở (bản chính);

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp (bản sao có công chứng);

- Giấy xác nhận thời gian thực tế hoạt động khai thác hải sản ở vùng biển xa bờ của cơ quan bảo vệ nguồn lợi thủy sản (bản sao có công chứng);

- Xác nhận việc đăng ký, kê khai thuế của cơ quan thuế địa phương nơi đóng trụ sở và nơi thực tế khai thác theo pháp luật hiện hành (bản sao);

- Trường hợp đối tượng nộp thuế lợi tức theo hình thức kê khai thì khi đề nghị miễn thuế lợi tức còn phải nộp quyết toán tài chính, kèm theo biên bản kiểm tra quyết toán thuế của năm xét giảm, miễn thuế (bản sao).

b) Thủ tục xét giảm, miễn thuế cho các đối tượng hưởng ưu đãi thuế theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 94-TC/TCT ngày 22-12-1995 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục, trình tự, thẩm quyền xét miễn, giảm thuế theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước và Nghị định số 29-CP ngày 12-5-1995 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước.

### 2. Trình tự và thẩm quyền xét giảm thuế tài nguyên, thuế doanh thu, miễn thuế lợi tức:

Cơ quan thuế trực tiếp quản lý nhận được hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế do cơ sở gửi đến, phải thực hiện kiểm tra, nếu chưa đầy đủ, chính xác thì yêu cầu cơ sở bổ sung, chỉnh lý hồ sơ và sau đó ra quyết định miễn, giảm thuế theo thẩm quyền. Trường hợp vượt thẩm quyền thì phải có văn bản gửi kèm hồ sơ của cơ sở báo cáo cơ quan thuế cấp trên giải quyết. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải quyết định miễn,

giảm thuế hoặc thông báo cho cơ sở khai thác biết lý do chưa giải quyết hoặc không giải quyết.

Thẩm quyền xét giảm thuế tài nguyên, thuế doanh thu, miễn thuế lợi tức:

a) Cục trưởng Cục Thuế được xét và quyết định miễn, giảm thuế đối với cơ sở khai thác là cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, tổ hợp tác, các công ty, doanh nghiệp và các cơ sở khai thác khác do địa phương quản lý (trừ trường hợp nêu tại điểm c dưới đây).

b) Tổng Cục trưởng Tổng cục Thuế xét và quyết định miễn, giảm thuế đối với cơ sở khai thác do Trung ương quản lý, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc liên doanh với nước ngoài hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (trừ trường hợp nêu tại điểm c dưới đây).

c) Bộ trưởng Bộ Tài chính xét và quyết định các trường hợp có mức giảm thuế doanh thu bình quân trên 50 triệu đồng/tháng, miễn thuế lợi tức trên 100 triệu đồng/năm.

Cơ quan có thẩm quyền xét giảm thuế doanh thu, miễn thuế lợi tức, đồng thời xét và quyết định giảm thuế tài nguyên.

Việc miễn, giảm thuế tài nguyên, thuế doanh thu, thuế lợi tức được tiến hành hàng năm, sau khi kết thúc năm tài chính. Trong năm thuộc thời gian được miễn, giảm thuế, thủ trưởng cơ quan thuế trực tiếp quản lý thực hiện kiểm tra giấy phép khai thác, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đối chiếu với điều kiện được miễn, giảm thuế theo hướng dẫn tại Thông tư này để quyết định tạm thời không thu thuế lợi tức, hoãn nộp không quá 50% số thuế doanh thu, thuế tài nguyên phải nộp hàng tháng cho cơ sở khai thác.

### 3. Thủ tục, thẩm quyền giải quyết thu lệ phí trước bạ tỷ lệ 1%:

Chủ tàu, thuyền thuộc đối tượng nộp lệ phí trước bạ tỷ lệ 1% phải gửi hồ sơ cho Cục Thuế tỉnh, thành phố nơi cơ sở khai thác đóng trụ sở, hồ sơ gồm có:

- Hồ sơ kê khai lệ phí trước bạ tàu, thuyền theo chế độ lệ phí trước bạ quy định hiện hành; tờ khai phải ghi rõ công suất máy chính của tàu, thuyền trước bạ.

- Giấy phép hoạt động khai thác hải sản ở vùng biển xa bờ.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố kiểm tra hồ sơ, thủ tục và giải quyết thu lệ phí trước bạ theo quy định trước khi chủ tàu, thuyền đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản.

Mọi trường hợp tàu, thuyền đã nộp lệ phí trước bạ theo mức quy định tại Điều 4 Nghị định số 193-CP ngày 29-12-1994 của Chính phủ (2%), sau đó mới được cấp giấy phép khai thác hải sản ở vùng biển xa bờ thì không được thoái trả số tiền lệ phí trước bạ đã nộp hoặc trừ vào các khoản phải nộp khác.

Trường hợp cơ sở khai thác có hành vi khai man để được giảm, miễn thuế và lệ phí trước bạ sẽ bị truy thu các loại thuế và lệ phí trước bạ đã khai man và bị phạt vi phạm hành chính theo pháp luật xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

## III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký, thay thế Thông tư số 109-TT/LB ngày 31-12-1993 của liên Bộ Tài chính - Thủy sản hướng dẫn thi hành Quyết định số 400-TTg ngày 7-8-1993 của Thủ tướng Chính phủ.

Riêng các cơ sở khai thác đang được hưởng ưu đãi thuế theo Quyết định số 400-TTg ngày 7-8-1993 của Thủ tướng Chính phủ được tiếp tục thực hiện đủ mức và thời gian ưu đãi quy định tại Quyết định số 400-TTg. Sau khi hết thời gian được hưởng ưu đãi của Quyết định số 400-TTg, nếu đối tượng thuộc diện ưu đãi theo Quyết định số 358-TTg ngày 29-5-1997 được tiếp tục hưởng ưu đãi theo Quyết định số 358-TTg.

2. Cơ quan thuế, cơ quan bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh, thành phố, Bộ đội biên phòng cửa khẩu phối hợp kiểm tra, quản lý chặt chẽ các tàu, thuyền khai thác hải sản ở vùng biển xa bờ, bảo đảm việc ưu đãi thuế đúng đối tượng và giải quyết các thủ tục cấp giấy phép theo thẩm quyền, tổ chức việc đăng ký, kê khai, xác nhận nhanh, gọn, tránh gây phiền hà đối với đối tượng được ưu đãi.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính và Bộ Thủy sản để nghiên cứu, giải quyết.

K.T. Bộ trưởng Bộ Thủy sản  
*Thứ trưởng*

NGUYỄN THỊ HỒNG MINH

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
*Thứ trưởng*

VŨ MỘNG GIAO

*GIAO THÔNG VẬN TẢI - QUỐC PHÒNG -  
NỘI VỤ*

**THÔNG TƯ liên tịch số 10/1998/  
TTLT-BGTVT-BQP-BNV ngày  
13-1-1998 hướng dẫn thực hiện  
một số điểm của Nghị định số  
40-CP ngày 5-7-1996 của Chính  
phủ về bảo đảm trật tự an toàn  
giao thông đường thủy nội địa  
đối với lực lượng vũ trang.**

Để thực hiện nghiêm chỉnh Nghị định số 40-CP ngày 5-7-1996 của Chính phủ về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa, liên tịch Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ thống nhất hướng dẫn thực hiện một số điểm về đăng ký, quản lý và kiểm tra phương

tiện thủy, thuyền viên, cảng bến thủy nội địa thuộc lực lượng vũ trang như sau:

## I. ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ VÀ KIỂM TRA KỸ THUẬT PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA THUỘC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG

Mọi phương tiện thủy thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ (gọi tắt là phương tiện thủy của lực lượng vũ trang), khi tham gia giao thông đường thủy phải được đăng ký, quản lý và kiểm tra an toàn kỹ thuật theo đúng quy định.

### A. ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN THỦY LÀM NHIỆM VỤ AN NINH, QUỐC PHÒNG

1. Việc đăng ký, quản lý và kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy làm nhiệm vụ quân sự do Bộ Quốc phòng quy định; phương tiện thủy thuộc lực lượng công an nhân dân làm nhiệm vụ an ninh, trật tự do Bộ Nội vụ quy định.

Sau khi đăng ký, các phương tiện trên phải kê biển số theo quy định và khi tham gia giao thông phải có đủ các loại giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký;
- Giấy phép lưu hành;
- Sổ kiểm tra kỹ thuật;
- Sổ danh bạ thuyền viên;
- Lý lịch phương tiện;
- Nhật ký hành trình, nhật ký máy;
- Lệnh sử dụng phương tiện.

2. Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện việc kiểm tra kỹ thuật các phương tiện thủy làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng khi có đề nghị của Cục Vận tải - Bộ Quốc phòng hoặc Cục Cảnh sát giao thông đường thủy - Bộ Nội vụ.